

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 157 / BC-PC3I-5
V/v: công bố thông tin theo quy định

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 3 năm 2014

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)

Trụ sở chính: Tầng 6 – 78A Duy Tân – TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.2210027-0511.2212542 Fax: 0511.2221000

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Lương Minh

Địa chỉ: 38 Đặng Thai Mai – TP Đà Nẵng

ĐT di động: 0903.505041 ĐT cơ quan: 0511.2212540 Fax: 0511.2221000

Loại thông tin công bố ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Báo cáo thường niên năm 2013.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: - BCTC năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

- Báo cáo thường niên năm 2013

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P1, P5, đăng web.



Nguyễn Lương Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3
ĐỊA CHỈ: TẦNG 6 - 78 A DUY TÂN TP ĐÀ NẴNG
ĐIỆN THOẠI: 0511.2212545 - FAX: 0511.2221000

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2013

CỦA CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 156 / BC-PC3I-5
V/v: báo cáo thường niên năm 2013

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Kính gửi: - CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 lập và công bố Báo cáo thường niên năm 2013, gồm các nội dung sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013 CỦA CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: + Tiếng Việt: Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST)
+ Tiếng Anh: PC3-INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
+ Viết tắt : PC3-INVEST
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 3) số: 0400599162 ngày 9/5/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.
- Vốn điều lệ đăng ký: 600.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu đến thời điểm 31/3/2014: 243.467.070.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 6- 78A Duy Tân, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511.2210027 Fax: 0511.2221000 Website: www.pc3invest.vn
- Mã cổ phiếu: PIC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Thực hiện chủ trương về việc cổ phần hoá các Doanh nghiệp Nhà nước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã chỉ đạo Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) chuyển mô hình hoạt động của Ban Quản lý Dự án Các công trình thủy điện vừa và nhỏ sang hình thức Công ty cổ phần. Trên cơ sở đó, ngày 21/12/2007, PC3-INVEST đã được thành lập - là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Các cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập của PC3-INVEST gồm: (1) Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung); (2) Công ty TNHH Đại Hoàng Hà; (3) Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình; (4) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thương mại và Công nghiệp Việt Á; (5) Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà; (6) Công ty cổ

phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng (Cavico).

- Ngày 28/04/2009: Đại hội đồng Cổ đông đã chấp thuận cho cổ đông Cavico rút khỏi tư cách cổ đông sáng lập và đồng ý để Công ty Điện lực 3 nhận góp vốn thay cho Cavico. Đại hội đồng Cổ đông cũng đã thống nhất chủ trương đầu tư dự án thủy điện Đa Krông1, tỉnh Quảng Trị.

- Ngày 17/08/2009: dự án CDM của công trình thủy điện Đăk Pône đã được đánh giá quốc tế, đấu thầu bán CERs. Hội đồng quản trị đã thống nhất chọn người mua CERs là Công ty South Pole - Thụy Sĩ.

- Ngày 28/11/2009: PC3-INVEST tổ chức động thổ và bắt đầu triển khai thi công công trình thủy điện Đa Krông1 (12 MW) – Tỉnh Quảng Trị.

- Ngày 05/05/2010: PC3-INVEST ký hợp đồng bán CERs cho Nhà thầu VietNam Carbon Assets Ltd.

- Ngày 01/06/2010: Nhà máy thủy điện (NMTĐ) Đăk Pône chính thức đưa vào vận hành thương mại.



Toàn cảnh Nhà máy thủy điện Đăk Pône

- Tháng 6/2011: dự án CDM Đăk Pône đã được Ủy ban CDM của Liên hiệp quốc phê chuẩn, bắt đầu bán chỉ tiêu giảm phát thải CERs từ 2/6/2011.

- Năm 2012, do khó khăn về vốn đầu tư, Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị tạm dừng thi công công trình thủy điện (CTTĐ) Đa Krông 1.

- Tháng 8/2012, PC3-INVEST được Quacert cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn 9001: 2008.

- Tháng 11/2012: PC3-INVEST thực hiện thành công cơ chế phát triển sạch (CDM) và đã bắt đầu có doanh thu bán CERs và VERs từ NMTĐ Đăk Pône.

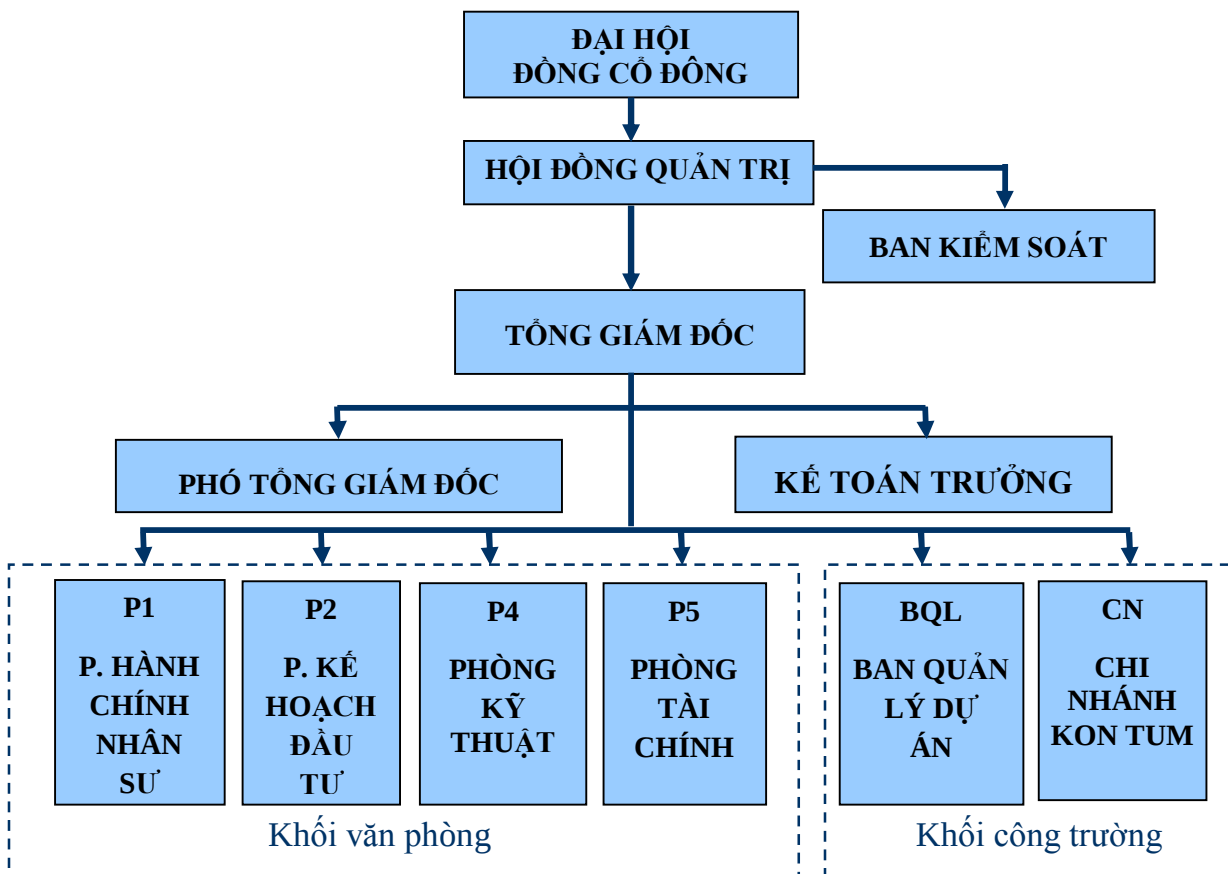
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Sản xuất kinh doanh (SXKD) điện năng.
- Địa bàn kinh doanh chủ yếu là khu vực Miền trung và Tây nguyên.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

* Mô hình quản trị của PC3-INVEST: được tổ chức gọn, phát huy được hiệu lực điều hành theo mô hình Công ty cổ phần và hướng đến hiệu quả cao nhất cho cổ đông. Tổng số cán bộ công nhân viên PC3-INVEST đến thời điểm cuối năm 2013 là 50 người.

Tổ chức bộ máy quản trị điều hành PC3-INVEST gồm có:



- Viên chức quản lý: gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Khối văn phòng: gồm 04 phòng nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính - Nhân sự: tổ chức quản trị nhân sự, lao động tiền lương, hành chính, quảng bá thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp, pháp chế, tổ chức thực hiện công tác đền bù tái định cư – môi trường, công tác y tế, thi đua khen thưởng, thanh tra bảo vệ.

+ Phòng Kế hoạch - Đầu tư: xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn về đầu tư và SXKD của PC3-INVEST, quản lý chung tình hình SXKD, công tác đấu thầu, hợp đồng và mua sắm vật tư thiết bị cho dự án, quản lý vật tư thiết bị trong quá trình đầu tư và SXKD.

+ Phòng Kỹ thuật: quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chung về công tác chuẩn bị sản

xuất, quản lý kỹ thuật sản xuất, công tác an toàn vệ sinh lao động, công tác sáng kiến, nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác đầu thầu xây lắp, công tác thẩm tra, thẩm định các thủ tục đầu tư xây dựng.

+ Phòng Tài chính: tổ chức thực hiện công tác tài chính – kế toán, thanh quyết toán công trình, quản lý cổ đông của PC3-INVEST.

- Khối công trường gồm:

+ Ban QLDA: quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng công trình do PC3-INVEST làm chủ đầu tư.

+ Chi nhánh KonTum: quản lý vận hành NMTĐ Đăk Pône.

- Các công ty con, công ty liên kết: không có

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của PC3-INVEST: Phần đầu đến năm 2020, PC3-INVEST trở thành nhà đầu tư chuyên nghiệp, có hiệu quả lợi nhuận cao và phát triển bền vững trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh điện năng ở Miền Trung.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Theo Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2006 - 2015 có xét đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hằng năm nhu cầu điện năng ở nước ta tăng bình quân 17%, gấp hai đến ba lần tỷ lệ tăng trưởng GDP bình quân. Để đáp ứng đủ nhu cầu điện năng cho đất nước, mỗi năm cả nước cần được bổ sung khoảng 3.800MW. Đồng bộ với việc xây dựng các NMTĐ lớn, nhiệt điện khí và than, chủ trương phát triển thủy điện vừa và nhỏ cũng là một giải pháp góp phần nâng công suất khả dụng của toàn hệ thống. Định hướng lâu dài của PC3-INVEST là ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực thủy điện để phát huy thế mạnh sở trường về quản lý đầu tư và vận hành các CTTĐ của mình. Tuy nhiên, ảnh hưởng tiêu cực của lạm phát và suy thoái kinh tế toàn cầu làm tăng chi phí đầu tư và giảm khả năng huy động vốn. Cho nên trước mắt, PC3-INVEST tập trung khai thác có hiệu quả NMTĐ Đăk Pône (14 MW), đồng thời có kế hoạch phù hợp để tiếp tục triển khai các dự án thủy điện: Đa Krông 1 (12 MW), Trạm thủy điện hồ B Đăk Pône (1,6 MW), Sông Tranh 5 (40 MW).

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của PC3-INVEST:

Cam kết thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá tác động môi trường đối với từng dự án, sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình xây dựng, quản lý, vận hành nhà máy điện; Đầu tư thích đáng cho các hoạt động kiểm soát ô nhiễm, tăng cường chất lượng môi trường trên tất cả các công trình do PC3-INVEST đầu tư, sở hữu.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro về lạm phát, suy thoái: từ năm 2008 đến nay, tình hình lạm phát trong nước cộng thêm suy thoái kinh tế toàn cầu đã gây ra nhiều khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế nói chung, ảnh hưởng rất lớn hoạt động SXKD, đầu tư XD CB của PC3-INVEST nói riêng.

- Rủi ro về lãi suất: Đặc thù của hoạt động đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện là đòi hỏi lượng vốn đầu tư lớn, trong đó nguồn vốn vay thường chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu vốn. Vì vậy, sự biến động của lãi suất sẽ có tác động đến khả năng huy động vốn để đầu tư cho các dự án CTTĐ cũng như ảnh hưởng đến kết quả SXKD của PC3-INVEST.

- Rủi ro về luật pháp: Hoạt động kinh doanh của PC3-INVEST chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, Luật Điện lực và các quy định khác của Chính phủ liên quan đến ngành điện...Ngoài ra, giá bán điện chưa được điều chỉnh kịp thời so với mức tăng của thuế tài nguyên, phí sử dụng môi trường rừng, chi phí đầu vào làm tăng đáng kể chi phí SXKD của PC3-INVEST.

- Rủi ro đặc thù về thủy điện: năng lực sản xuất điện năng và doanh thu của NMTĐ nhỏ (không có hồ chứa điều tiết nước) tăng giảm phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết, vì vậy, thời tiết hạn hán sẽ ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của PC3-INVEST.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2013: PC3-INVEST đã tổ chức tốt công tác sản xuất điện, tích cực áp dụng nhiều biện pháp, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng công suất phát điện trong giờ cao điểm. Sản lượng điện thương phẩm cả năm đạt 57,46 triệu kWh. NMTĐ Đắk Pôn đã rút ngắn được thời gian lỗ kế hoạch là 5 năm (theo kết quả phân tích tài chính trong Dự án đầu tư, thì phải bù lỗ trong 6 năm vận hành đầu tiên, nhưng thực tế chỉ lỗ năm 2011 là 5,549 tỷ đồng). Đến nay, lợi nhuận lũy kế đến năm 2013 đã có thể bù hết được lỗ của năm 2011 và dự kiến sẽ chia cổ tức cho các cổ đông theo quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề:

Sản lượng điện thương phẩm cả năm là 57,46 triệu kWh, tương đương 114,93% sản lượng kế hoạch (50,00 triệu kWh). Doanh thu bán điện trước thuế là 45,73 tỷ đồng, đạt 112,84% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 455% so với kế hoạch giao (lãi 13,739 tỷ đồng/ kế hoạch là 3,017 tỷ đồng).

* So sánh các chỉ tiêu SXKD với các năm liền kề:

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
A. Sản xuất điện năng				
- Sản lượng kế hoạch	Triệu kWh	47,809	52,147	50,00
- Sản lượng phát	Triệu kWh	59,961	45,629	57,46
- Doanh thu	Tỷ đồng	44,848	35,709	45,73
- Lợi nhuận	Tỷ đồng	12,929	13,055	23,10
B. HĐ tài chính và hoạt động khác				
- Thu nhập (lãi tiền gửi, bán CERs...)	Tỷ đồng	2,669	4,449	2,078
- Lợi nhuận	Tỷ đồng	-18,478	-12,722	-9,353
C. Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-5,549	0,202	13,739

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

a. Ông Nguyễn Lương Minh

- Năm sinh: 18/08/1969

Nơi sinh: Quảng Nam

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ ngành Mạng và Hệ thống điện

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 09/1992 đến tháng 08/1995: Chuyên viên Phòng XDCEB - Công ty Điện lực 3

+ Từ tháng 09/1995 đến tháng 12/2007: Công tác tại Ban quản lý dự án lưới điện - Công ty Điện lực 3 (Trưởng phòng (2000), Phó trưởng Ban (2003) và Trưởng Ban (2007).

+ Từ năm 2008 đến nay: Tổng giám đốc PC3-INVEST.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,08%

b. Ông Phạm Sĩ Huân

- Năm sinh: 17/03/1964

Nơi sinh: Đà Nẵng

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Thiết bị thủy điện

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 10/1992 đến tháng 08/1995: Chuyên viên Phòng Thủy điện - Công ty Điện lực 3.

+ Từ tháng 09/1995- tháng 10/2001: Chuyên viên Phòng Quản lý xây dựng - Công ty Điện lực 3.

+ Từ tháng 11/2001- tháng 3/2002: Chuyên viên Tổ Quản lý dự án thủy điện - Công ty Điện lực 3

+ Từ tháng 04/2002- tháng 9/2002: Phó Ban thường trực Ban chuẩn bị đầu tư dự án thủy điện Sekaman 3 - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5

+ Từ tháng 10/2002- tháng 7/2003: Trưởng phòng Tổng hợp - Ban QDA các CTTĐ vừa và nhỏ - Công ty Điện lực 3

+ Từ tháng 08/2003- tháng 12/2007: Phó Trưởng ban Ban QLDA các CTTĐ vừa và nhỏ - Công ty Điện lực 3

+ Từ tháng 1/2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc PC3-INVEST.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,06%

c. Bà Đặng Thị Thu Nga

- Năm sinh: 21/11/1981

Nơi sinh: Bình Định

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 10/2002 - tháng 08/2007: Nhân viên Phòng Tài chính Ban QLDA các CTTĐ vừa và nhỏ
 - + Từ tháng 08/2007 - tháng 12/2007: Phó trưởng Phòng Tài chính Ban QLDA các CTTĐ vừa và nhỏ
 - + Từ tháng 01/2008 - tháng 03/2008: Nhân viên Phòng Tài chính PC3-INVEST.
 - + Từ tháng 03/2008 đến tháng 4/2011: Phó trưởng Phòng Tài chính PC3-INVEST.
 - + Từ tháng 04/2011 đến nay: Kế toán trưởng PC3-INVEST.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,02%
- * Những thay đổi trong ban điều hành: không có.
- * Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động : đến thời điểm 31/12/2013, tổng CBCNV PC3-INVEST là 50 người. Chính sách đối với người lao động được PC3-INVEST thực hiện như sau:
 - PC3-INVEST thực hiện đầy đủ các quyền lợi về tinh thần, vật chất cho người lao động theo quy định của pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể. Môi trường làm việc an toàn, đầy đủ các trang cụ lao động cần thiết.
 - CBCNV PC3-INVEST được quan tâm, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thể hiện năng lực, tự do sáng tạo, phát triển kỹ năng.
 - Có chế độ đãi ngộ hợp lý, tôn trọng đóng góp của cá nhân; công bằng, minh bạch, dân chủ trong xử lý các vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trạm thủy điện hồ B Đăk Pôn:

PC3-INVEST đã tổ chức thực hiện hoàn thành hạng mục Tuynel dẫn nước – hồ B vào cuối tháng 10/2013 - đúng tiến độ đã đề ra. Việc đưa vào vận hành hạng mục này đã phát huy ngay tác dụng tăng cường nước để phát điện trong những tháng cuối năm.

- Công trình thủy điện Đa Krông 1:

Thực hiện nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chuẩn bị triển khai thi công lại dự án thủy điện Đa Krông 1, PC3-INVEST đã tích cực làm việc lại với Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB) – chi nhánh Quảng Trị về khoản vay ưu đãi cho dự án, đã được VDB thống nhất chủ trương cho vay ưu đãi lãi suất với mức vay 228 tỷ đồng (năm 2011, VDB đã thống nhất cho vay 115 tỷ đồng để đầu tư dự án này, tuy nhiên do thiếu vốn đối ứng nên PC3-INVEST chưa ký kết được hợp đồng vay). Hiện nay, hồ sơ vay vốn đang được VDB thẩm định chi tiết để quyết định hợp đồng tín dụng.

Do dự án thủy điện Đa Krông 1 tạm dừng thi công từ cuối năm 2011 nên thời hạn đầu

tư trong Giấy chứng nhận đầu tư đã hết. PC3-INVEST đã lập hồ sơ trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị thẩm định, tham mưu UBND tỉnh Quảng Trị và đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh (lần 1) cho dự án thủy điện Đa Krông 1 (giấy chứng nhận số 3012000053 ngày 04/9/2013). Ngoài ra, theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, PC3-INVEST đã trình và được Sở Công thương Quảng Trị thẩm tra thiết kế xây dựng công trình Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tuyển năng lượng, nhà máy, thiết bị cơ khí thủy công, thủy lực, thiết bị điện dự án thủy điện Đa Krông 1.

PC3-INVEST đã trình và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục công trình: Tuyển năng lượng, đường ống áp lực, nhà máy, kênh xả, thiết bị cơ khí thủy công, thủy lực, thiết bị điện và hồ sơ mời thầu gói thầu số 1 – Cung cấp thiết bị cơ khí thủy lực, thiết bị điện nhà máy và trạm biến áp nâng.

- Công trình thủy điện Sông tranh 5:

Trong năm 2013, PC3-INVEST không triển khai thêm công tác đầu tư cho dự án này. Hiện dự án đã hoàn thành giai đoạn 1 của khâu lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, đã trình Hội đồng quản trị và báo cáo UBND tỉnh Quảng Nam.

b. Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	317.886	332.494	4,60%
Doanh thu thuần	35.709	45.733	28,07%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	766	14.101	1740,86%
Lợi nhuận khác	-433	-354	18,24%
Lợi nhuận trước thuế	333	13.747	4028,23%
Lợi nhuận sau thuế	202	13.739	6701,49%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10	598	5880,00%

- Các chỉ tiêu khác: không có

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,74	1,73
- Hệ số thanh toán nhanh	1,49	1,34
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	31,8%	24,29%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	46,62%	32,09%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho:	3,25	2,74
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	11,23%	13,75%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	0,56%	30,04%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	0,09%	5,46%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0,06%	4,13%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/d.thu thuần	2,15%	30,83%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 24.346.707 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : 24.346.707 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 22.264.107 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu : 2.082.600 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài: không có

b. Cơ cấu cổ đông:

Tên cổ đông	Tỷ lệ sở hữu vốn góp		
	Cổ đông trong nước	Cổ đông nước ngoài	Cộng
I. Cổ đông lớn/Cổ đông tổ chức	82,73%	0	82,73%
1. Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung)	71,02%	0	71,02%
2. Ngân hàng TMCP An Bình	6,18%	0	6,18%
3. Công ty TNHH Đại Hoàng Hà	1,92%	0	1,92%
4. Công ty CP Điện lực Khánh Hoà	2,86%	0	2,86%
5. C.ty CPTĐ Đầu tư TM&CN Việt Á	0,74%	0	0,74%
Cổ đông nhỏ/ Cổ đông cá nhân	17,27%	0	17,27%
Tổng cộng	100,00%	0,00%	100,00%
Trong đó			
- Cổ đông nhà nước	71,02%	0,00%	71,02%
- Cổ đông khác	28,98%	0,00%	28,98%

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2013, theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được sự cho phép của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, PC3-INVEST phát hành cổ phần riêng lẻ cho các cổ đông sáng lập với số tiền nhận được là 20,826 tỷ đồng, đạt 36,54% so với kế hoạch (57,00 tỷ đồng).

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

d. Các chứng khoán khác: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

* Tổng quan về hoạt động của PC3-INVEST so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động SXKD trước đây: như đã nêu tại mục II.1

* Những tiên bộ PC3-INVEST đã đạt được:

Mọi mặt hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng quy định Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của HĐQT. PC3-INVEST đã cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt và vượt một số chỉ tiêu trọng yếu, như sau:

- PC3-INVEST đã tổ chức tốt tiết kiệm chi phí (thực hiện kế hoạch năm 2013 đạt 84,78% so với kế hoạch, tiết kiệm được 15,22%), bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động với sản lượng vận hành trong năm đạt 114,93% sản lượng kế hoạch nên lợi nhuận thực hiện đạt 455%, với số lợi nhuận đạt được của năm 2013 đã bù lỗ kết quả SXKD năm 2011 và dự kiến sẽ thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông theo quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông.

- Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định, đúng kế hoạch được giao. Hạng mục “Tuynel dẫn nước” đã được thi công đảm bảo chất lượng, đưa vào sử dụng đúng kế hoạch đề ra.

- PC3-INVEST giữ vững được sự đoàn kết, công tác quản trị ổn định, đảm bảo hiệu quả công việc và tiết kiệm chi phí hoạt động. PC3-INVEST đã không ngừng đổi mới công tác quản lý thông qua việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tiêu chuẩn 5S, ứng dụng phần mềm mã nguồn mở, sử dụng công nghệ thông tin và xây dựng Văn hóa doanh nghiệp. Hầu hết CBCNV đều tự giác, cố gắng phấn đấu vì nhiệm vụ chung của PC3-INVEST. Nhiều cá nhân đã có đóng góp thiết thực bằng những giải pháp hợp lý hóa quá trình sản xuất, tăng hiệu quả lao động. Năm 2013, PC3-INVEST đã có một sáng kiến cải tiến kỹ thuật được EVNCPC công nhận và được áp dụng vào thực tế sản xuất, ước giá trị làm lợi là 108 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

Trong năm qua, PC3-INVEST đã đầu tư cơ bản xong hạng mục Tuynel dẫn nước nên tài sản tạm tăng trong năm 2013 là 46 tỷ. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản năm 2013 là: 4,17%. Tỷ suất này sẽ cao hơn vào các năm sau khi gốc vay, lãi vay giảm dần cùng với việc thực hiện những biện pháp hiệu quả về quản trị.

b. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả năm 2013 giảm so với năm 2012 là 23,28 tỷ đồng, chủ yếu do giảm gốc

vay vốn đầu tư xây dựng NMTĐ Đăk Pône tại NHTMCP Công thương Đà Nẵng (17,17 tỷ đồng), giảm trả cho nhà thầu (1,62 tỷ đồng). Nợ phải trả của PC3-INVEST đến 31/12/2013 chưa có khoản nào xếp vào phải thu khó đòi hay quá hạn phải trả. Các khoản công nợ trên đều được kiểm soát chặt chẽ.

Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động SXKD của PC3-INVEST là không đáng kể bởi chỉ tiêu này chỉ chiếm 1,11% trong tổng chi phí SXKD năm 2013 của PC3-INVEST.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Bộ máy tổ chức của PC3-INVEST đã ổn định và phát huy được hiệu lực điều hành theo mô hình Công ty cổ phần. Các chính sách và hoạt động quản lý nội bộ (nhân sự, tài chính, sản xuất, đầu tư, kinh doanh...) đều được triển khai nề nếp, thông suốt và đạt hiệu quả. PC3-INVEST luôn đổi mới phương thức làm việc, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được tổ chức công bằng, thực hiện phân chia thu nhập theo năng lực công tác... đã tạo tác động tích cực đến CBCNV, vì thế công tác quản trị luôn định, tiết kiệm chi phí mà vẫn đảm bảo hiệu quả công việc. PC3-INVEST không ngừng đổi mới công tác quản lý thông qua việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tiêu chuẩn 5S, ứng dụng phần mềm mã nguồn mở, sử dụng công nghệ thông tin và xây dựng Văn hóa doanh nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

a. Công tác SXKD điện năng:

PC3-INVEST tập trung nâng cao hiệu quả SXKD điện năng từ NMTĐ Đăk Pône, làm tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và phòng chống bão lũ. Cân đối được tài chính để trả nợ gốc, trả lãi vay và tăng dần lợi nhuận. Đồng thời, PC3-INVEST tăng cường công tác đào tạo, chuẩn bị nhân lực để tiếp nhận quản lý vận hành và khai thác hiệu quả NMTĐ Đa Krông 1 dự kiến hoàn thành vào cuối quý II/2016.

b. Công tác đầu tư xây dựng

* *CTTĐ Đăk Pône*: Đối với Trạm thủy điện hồ B có công suất 2x0,8 MW, mức đầu tư khoảng 33,7 tỷ đồng, sản lượng điện 6,21 triệu kWh/năm, sẽ được đầu tư khi PC3-INVEST bố trí đủ nguồn vốn. Dự kiến hạng mục này sẽ được thi công sau khi PC3-INVEST hoàn thành CTTĐ Đa Krông 1.

* *CTTĐ Đa Krông 1*: Tích cực hoàn thành thủ tục vay vốn ưu đãi cho dự án thủy điện Đa Krông 1. Tổ chức tốt công tác quản lý ĐTXD (về chất lượng - tiến độ - chi phí) để hoàn thành dự án thủy điện Đa Krông 1 vào cuối quý II/2016.

* *CTTĐ Sông Tranh 5*: Đây là dự án có quy mô lớn đã được phê duyệt trong Tổng sơ đồ giai đoạn VII, sẽ được PC3-INVEST tiếp tục nghiên cứu cẩn trọng về hiệu quả tài chính và đầu tư khi có cơ hội thuận lợi.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của PC3-INVEST:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của PC3-INVEST:

Mọi mặt hoạt động của PC3-INVEST đều tuân thủ đúng quy định Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ngoài các yếu tố khách quan vượt khả năng quản lý của mình, PC3-INVEST đã cố gắng khắc phục khó khăn và động viên toàn

thể CBCNV hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng quản trị thống nhất đánh giá PC3-INVEST đã hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2013.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc PC3-INVEST

Hội đồng quản trị đã giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động PC3-INVEST của Ban Giám đốc và nhận thấy trong năm 2013, mặc dù hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn khách quan ngoài tầm kiểm soát, nhưng Ban Giám đốc đã chủ động có nhiều biện pháp hữu hiệu, tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị giao. Ban Giám đốc làm việc rất chủ động, sâu sát, quyết tâm với công việc và có tinh thần trách nhiệm cao. Hội đồng quản trị đã thống nhất đánh giá Ban Giám đốc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2013.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a. Công tác SXKD điện năng:

Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo và giám sát PC3-INVEST thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD điện năng từ NMTĐ Đắk Pône như: làm tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và phòng chống bão lũ; cân đối được tài chính để trả nợ gốc đúng hạn hoặc trước hạn và chuẩn bị các điều kiện để khai thác hiệu quả NMTĐ Đa Krông 1 dự kiến hoàn thành vào cuối quý II/2016.

b. Công tác đầu tư xây dựng:

* *CTTĐ Đắk Pône*: Hội đồng quản trị sẽ xem xét để quyết định đầu tư Trạm thủy điện hồ B có công suất 2x0,8 MW, mức đầu tư khoảng 33,7 tỷ đồng, sản lượng điện 6,21 triệu kWh/năm sau khi PC3-INVEST hoàn thành CTTĐ Đa Krông 1.

* *CTTĐ Đa Krông 1*: Tích cực hỗ trợ PC3-INVEST trong việc hoàn thành thủ tục vay vốn ưu đãi cho dự án thủy điện Đa Krông 1. Giám sát chặt chẽ PC3-INVEST trong công tác quản lý ĐTXD (về chất lượng - tiến độ - chi phí) dự án thủy điện Đa Krông 1.

* *CTTĐ Sông Tranh 5*: Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc và quyết định đầu tư khi có cơ hội thuận lợi.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Tham gia thành viên HĐQT tại công ty khác	Loại thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Trần Đình Nhân: là Chủ tịch HĐQT PC3-INVEST (từ ngày 01/01/13 đến 24/04/13)	- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện lực Khánh Hòa - Phó Chủ tịch HĐQT C. ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung.	Không điều hành	0,01%

TT	Họ và tên	Tham gia thành viên HĐQT tại công ty khác	Loại thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
2	Nguyễn Thành: là Chủ tịch HĐQT (từ ngày 25/04/2013 đến nay)	Không	Không điều hành	0,00%
3	Nguyễn Lương Minh	Không	Điều hành	0,08%
4	Phạm Quốc Khánh	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung	Độc lập	0,01%
5	Hồ Ngân Chi: là Ủy viên HĐQT (từ ngày 01/01/13 đến 24/04/13)	- Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Định Bình - Thành viên HĐQT Công ty CP Nikko VN - Thành viên HĐQT C.ty CP Khoáng sản Nikko VN	Độc lập	0,00%
6	Nguyễn Thị Hương: là Ủy viên HĐQT (từ ngày 25/04/13 đến nay)	Không	Không điều hành	0,00%
7	Đinh Châu Hiếu Thiện	- Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Định Bình. - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sông Ba. - Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Gia Lai.	Độc lập	0,01%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 4 lần, tại các cuộc họp này Hội đồng quản trị đã quyết nghị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành nhiệm kỳ 2013-2018, quyết nghị một số chủ trương chính cho hoạt động của PC3-INVEST do Tổng Giám đốc trình, bao gồm: đánh giá kết quả hoạt động năm 2012, giao kế hoạch năm 2013; xem xét điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng CTTĐ Đa Krông 1; đánh giá tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2013; chủ trương chuẩn bị công tác để triển khai thi công lại CTTĐ Đa Krông 1 và các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động PC3-INVEST của Ban Giám đốc và nhận thấy rằng hoạt động của PC3-INVEST được tổ chức thực hiện tốt. Ban Giám đốc đã thực hiện đúng chức trách được giao theo Điều lệ PC3-INVEST, đảm bảo các hoạt động PC3-INVEST đúng quy định của pháp luật

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty trong năm:

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ngô Tấn Hồng	0,01%
2	Phan Thanh Lý	0,00%
3	Nguyễn Anh Văn	0,00%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát: Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra Báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư xây dựng trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2013. Ban kiểm soát đã đánh giá khách quan, trung thực về các mặt hoạt động của PC3-INVEST; đánh giá cao nỗ lực của Ban giám đốc cùng toàn thể CBCNV PC3-INVEST đã có nhiều cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông PC3-INVEST trong bối cảnh nhiều yếu tố khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động của PC3-INVEST.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Các khoản thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền thù lao/tháng
I. Hội đồng quản trị		
1. Trần Đình Nhân	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 01/01/13 đến 24/04/13)	4.000.000 đồng
2. Nguyễn Thành	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 25/04/2013 đến nay)	4.000.000 đồng
3. Nguyễn Lương Minh	Ủy viên HĐQT	3.000.000 đồng
4. Phạm Quốc Khánh	Ủy viên HĐQT	3.000.000 đồng
5. Hồ Ngân Chi	Ủy viên HĐQT (từ ngày 01/01/13 đến 24/04/13)	3.000.000 đồng
6. Nguyễn Thị Hương	Ủy viên HĐQT (từ ngày 25/04/2013 đến nay)	3.000.000 đồng
5. Đinh Châu Hiếu Thiện	Ủy viên HĐQT	3.000.000 đồng
II. Ban Kiểm soát		
Ngô Tấn Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	2.000.000 đồng
Phan Thanh Lý	Thành viên Ban Kiểm soát	1.500.000 đồng
Nguyễn Anh Văn	Thành viên Ban Kiểm soát	1.500.000 đồng

b. Lương, thưởng, các khoản lợi ích và chi phí cho từng thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý được thực hiện trên cơ sở hệ số lương, phụ cấp theo Hệ

thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong công ty Nhà nước tại nghị định số 205/2004/NĐ-CP, ngày 14/12/2004 của Chính phủ, nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ, và các quy định khác có liên quan của Nhà nước, của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.

c. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

d. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

e. Việc thực hiện các quy định về quản trị PC3-INVEST: Công tác quản trị của PC3-INVEST có nhiều tiến bộ, tiếp tục ổn định, đã tiết kiệm được chi phí hoạt động. CBCNV tự giác, cố gắng phấn đấu vì nhiệm vụ chung của PC3-INVEST. Nhiều cá nhân đã có đóng góp thiết thực bằng những giải pháp hợp lý hóa quá trình sản xuất, tăng hiệu quả lao động

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty CP Đầu tư Điện lực 3 do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC phát hành số:256/2014/BCKT-AAC ngày 21/3/2014: *“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính”*.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành về kế toán và kiểm toán được chi tiết tại đường dẫn http://www.pc3invest.vn/vn/news.aspx?arId=725&grpId=23&cms_action=3, cụ thể:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.620.539.164	56.035.776.585
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	27.159.497.298	38.132.268.890
1. Tiền	111		318.327.058	982.268.890
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.841.170.240	37.150.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.887.110.194	10.002.029.061
1. Phải thu khách hàng	131		8.648.915.077	6.300.961.374
2. Trả trước cho người bán	132		2.949.160.000	2.900.010.000
3. Các khoản phải thu khác	135	6	309.035.117	801.057.687
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(20.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.975.141.296	6.314.525.879
1. Hàng tồn kho	141	7	6.975.141.296	6.314.525.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.598.790.376	1.586.952.755
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.565.080.009	1.495.598.579
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	54.545
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	33.710.367	91.299.631
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		281.873.961.122	261.850.264.085
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		281.741.431.751	261.477.729.910
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	243.546.022.698	206.961.007.817
- Nguyên giá	222		300.283.871.390	254.268.620.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.737.848.692)	(47.307.612.671)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		33.333.653	53.333.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.333.653)	(53.333.653)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	38.195.409.053	54.516.722.093
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		132.529.371	372.534.175
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	132.529.371	372.534.175
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		332.494.500.286	317.886.040.670

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.770.272.143	101.083.561.533
I. Nợ ngắn hạn	310		29.240.526.107	32.377.233.485
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	17.176.582.012	19.176.582.012
2. Phải trả người bán	312		5.846.713.751	4.529.705.143
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.555.765.192	765.933.110
4. Phải trả người lao động	315		2.799.731.994	1.630.582.876
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	2.393.351.770	6.274.430.344
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(531.618.612)	-
II. Nợ dài hạn	330		51.529.746.036	68.706.328.048
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	51.529.746.036	68.706.328.048
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		251.724.228.143	216.802.479.137
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	251.724.228.143	216.802.479.137
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	243.467.070.000	222.641.070.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	(35.000.000)	(35.000.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	17	(495.570.694)	(851.484.154)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	131.301.456	131.301.456
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	8.656.427.381	(5.083.408.165)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		332.494.500.286	317.886.040.670



Tổng Giám đốc

Nguyễn Lương Minh

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu



Lê Thị Xuân Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	45.733.773.750	35.709.220.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	45.733.773.750	35.709.220.980
4. Giá vốn hàng bán	11	19	18.023.579.077	19.825.902.689
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		27.710.194.673	15.883.318.291
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.815.246.725	2.757.320.378
7. Chi phí tài chính	22	21	10.814.362.912	15.045.514.286
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.434.618.297	14.681.896.826
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.609.586.416	2.828.452.539
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.101.492.070	766.671.844
11. Thu nhập khác	31	22	263.384.160	1.692.033.822
12. Chi phí khác	32	23	617.767.957	2.125.498.855
13. Lợi nhuận khác	40		(354.383.797)	(433.465.033)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24	13.747.108.273	333.206.811
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	7.272.727	131.221.963
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	24	13.739.835.546	201.984.848
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	598	10



Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu

Lê Thị Xuân Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.747.108.273	333.206.811
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	10.019.250.496	16.844.839.865
- Các khoản dự phòng	03	20.000.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	379.744.615	1.398.967.291
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.828.626.339)	(2.757.320.378)
- Chi phí lãi vay	06	10.434.618.297	14.681.896.826
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.772.095.342	30.501.590.415
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.481.573.999)	3.467.257.501
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(660.615.417)	(584.345.024)
- Tăng, giảm phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	2.355.658.725	(1.488.937.726)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	268.803.971	724.384.516
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.491.505.200)	(16.082.033.321)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(138.494.690)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(268.842.500)	(100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.355.526.232	16.537.816.361
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(29.472.662.523)	(15.015.168.270)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	29.090.909	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.150.564.566	2.380.609.267
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.293.007.048)	(7.634.559.003)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	18.141.291.236	31.437.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.850.000.000	12.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(35.026.582.012)	(27.176.582.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.035.290.776)	16.260.417.988
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.972.771.592)	25.163.675.346
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	38.132.268.890	12.960.889.544
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	7.704.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	27.159.497.298	38.132.268.890



Tổng Giám đốc

Nguyễn Lương Minh

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu

Lê Thị Xuân Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02/01/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh Giấy đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/05/2013 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại
Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng
Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng
Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp
Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
Chi tiết: Lắp đặt: các cấu kết bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Đại lý du lịch
Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;

- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nạo vét và khai thác thủy sản lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện. Kinh doanh thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc năm. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ nợ phải trả cuối năm theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính mà chưa phân bổ hết vào chi phí trong năm thì số dư chưa phân bổ được phân bổ tiếp vào chi phí tài chính, thời gian phân bổ theo số năm còn lại kể từ ngày Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 có hiệu lực thi hành.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá gốc hàng tồn kho là các thiết bị phục vụ đầu tư xây dựng dự án Thủy điện được tính theo phương pháp thực tế đích danh; Giá gốc các hàng tồn kho khác tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

Để đảm bảo việc khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng thực tế và tính chất mùa vụ của sản xuất thủy điện, riêng các TSCĐ sử dụng trực tiếp tại Nhà máy Thủy điện Đăkpone thay đổi từ phương pháp khấu hao theo đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo sản lượng từ tháng 11 năm 2012. Việc điều chỉnh này đã được Cục thuế Đà Nẵng chấp thuận tại Công văn số 4212/CT-KK&KTT ngày 19/12/2012 và được Bộ Tài Chính chấp thuận tại Công văn số 18332/BTC-TCDN ngày 31/12/2013.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Các tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	5

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện, dịch vụ tư vấn thiết kế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện Đăkpone, Tỉnh Kon Tum: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (từ năm 2010 đến năm 2024), được miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022) cho Dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Những ưu đãi này được quy định trong Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính.
 - ✓ Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	19.653.150	12.693.259
Tiền gửi ngân hàng	298.673.908	969.575.631
Các khoản tương đương tiền	26.841.170.240	37.150.000.000
Cộng	27.159.497.298	38.132.268.890

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu khác	309.035.117	801.057.687
- Công ty DEC	-	84.379.447
- Lãi dự thu	100.570.864	451.600.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10	137.534.892	-
- Phải thu khác	70.929.361	265.078.240
Cộng	309.035.117	801.057.687

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.975.141.296	6.314.525.879
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.180.214.261	1.182.097.757
- Vật tư, thiết bị giao thầu chờ lắp đặt	5.794.927.035	5.132.428.122
Công cụ, dụng cụ	-	-
Cộng	6.975.141.296	6.314.525.879

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	29.160.367	86.749.631
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.550.000	4.550.000
Cộng	33.710.367	91.299.631

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	123.797.266.023	128.165.525.698	1.534.717.500	757.259.976	13.851.291	254.268.620.488
Phân loại lại	-	(14.280.391.237)	14.280.391.237	-	-	-
XDCB hoàn thành	46.633.064.544	-	-	-	-	46.633.064.544
T/lý, nhượng bán	-	85.000.000	-	-	-	85.000.000
Giảm theo TT 45	-	54.413.888	-	464.548.463	13.851.291	532.813.642
Số cuối năm	170.430.330.567	113.745.720.573	15.815.108.737	292.711.513	-	300.283.871.390
Khấu hao						
Số đầu năm	12.722.289.985	32.399.921.966	1.457.655.706	713.893.723	13.851.291	47.307.612.671
Phân loại lại	-	(3.578.370.901)	3.578.370.901	-	-	-
K/hao trong năm	4.611.100.748	4.989.689.769	410.401.242	8.058.737	-	10.019.250.496
T/lý, nhượng bán	-	85.000.000	-	-	-	85.000.000
Giảm theo TT 45	-	54.413.888	-	435.749.296	13.851.291	504.014.475
Số cuối năm	17.333.390.733	33.671.826.946	5.446.427.849	286.203.164	-	56.737.848.692
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	111.074.976.038	95.765.603.732	77.061.794	43.366.253	-	206.961.007.817
Số cuối năm	153.096.939.834	80.073.893.627	10.368.680.888	6.508.349	-	243.546.022.698

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 1.739.177.170 đồng.

Giá trị tài sản cố định đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2013 là 76.348.700 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp các khoản vay tại 31/12/2013 là 243.516.197.219 đồng.

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	53.333.653	53.333.653
Tăng trong năm	-	-
Giảm theo TT 45	20.000.000	20.000.000
Số cuối năm	33.333.653	33.333.653
Khấu hao		
Số đầu năm	53.333.653	53.333.653
Tăng trong năm	-	-
Giảm theo TT 45	20.000.000	20.000.000
Số cuối năm	33.333.653	33.333.653
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 33.333.653 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công trình thủy điện Đăkpone - Hồ B	249.375.091	17.803.075.795
Công trình thủy điện Đăkrông 1	35.045.785.010	33.813.397.346
Công trình thủy điện Sông Tranh 5	2.900.248.952	2.900.248.952
Cộng	38.195.409.053	54.516.722.093

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	-	312.707.910
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	132.529.371	59.826.265
Cộng	132.529.371	372.534.175

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn Công ty Tài chính CP Điện lực	-	2.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	17.176.582.012	17.176.582.012
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng	17.176.582.012	17.176.582.012
Cộng	17.176.582.012	19.176.582.012

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	754.089.198	563.717.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	131.221.963
Thuế thu nhập cá nhân	4.500.000	1.800.000
Thuế tài nguyên	253.161.794	69.193.450
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	544.014.200	-
Cộng	1.555.765.192	765.933.110

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	22.170.431	-
Bảo hiểm xã hội	44.135.947	23.813.362
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.327.045.392	6.250.616.982
- TCT Điện lực Miền Trung	46.305.863	2.854.396.940
- Công ty Bảo hiểm BIDV	50.110.160	50.110.160
- Lãi vay phải trả	2.053.054.821	3.109.941.724
- PJICO Huế	50.000.000	50.000.000
- Phải trả khác	127.574.548	186.168.158
Cộng	2.393.351.770	6.274.430.344

16. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	51.529.746.036	68.706.328.048
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng	51.529.746.036	68.706.328.048
Cộng	51.529.746.036	68.706.328.048

Vay dài hạn theo Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ Dự án Thủy điện Đăkpone ngày 10/11/2009 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng, Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) và Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3. Theo đó, Công ty Điện lực 3 chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình được thể hiện trong hợp đồng tín dụng số 05060901/HĐTD ngày 19/05/2005 và Hợp đồng nguyên tắc cầm cố thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay được ký kết giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng và Công ty Điện lực 3 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tiếp nhận và tiếp tục thực hiện hợp đồng. Công ty Điện lực 3 cũng có văn bản bảo lãnh cam kết trả nợ thay trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 không trả được nợ vay Ngân hàng. Theo đó hạn mức vay theo Hợp đồng này là 180.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 150 tháng để đầu tư cho dự án nhà máy thủy điện Đăkpone. Lãi suất vay 11%/năm áp dụng cho năm đầu tiên và được điều chỉnh mỗi năm một lần.

Vốn gốc vay thực tế đã giải ngân là 137.412.656.096 đồng. Lãi suất vay trong hạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 24/02/2013 là 14,8%/năm, từ ngày 25/02/2013 đến ngày 24/05/2013 là 14,3%/năm, từ ngày 25/05/2013 đến ngày 24/08/2013 là 11,8%, từ ngày 25/08/2013 đến ngày 24/11/2013 là 11,3%, từ ngày 25/11/2013 đến ngày 31/12/2013 là 11,8%. Lãi suất trong hạn sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần (nếu có). Giá trị tài sản thế chấp tài sản hình thành là toàn bộ giá trị dự án Thủy điện Đăkpone - Tỉnh Kon Tum.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	191.204.070.000	(35.000.000)	(2.250.451.445)	131.301.456	(5.285.393.013)	183.764.526.998
Tăng trong năm	31.437.000.000	-	-	-	201.984.848	31.638.984.848
Giảm trong năm	-	-	(1.398.967.291)	-	-	(1.398.967.291)
Số dư tại 31/12/2012	222.641.070.000	(35.000.000)	(851.484.154)	131.301.456	(5.083.408.165)	216.802.479.137
Số dư tại 01/01/2013	222.641.070.000	(35.000.000)	(851.484.154)	131.301.456	(5.083.408.165)	216.802.479.137
Tăng trong năm	20.826.000.000	-	394.304.755	-	13.739.835.546	34.960.140.301
Giảm trong năm	-	-	38.391.295	-	-	38.391.295
Số dư tại 31/12/2013	243.467.070.000	(35.000.000)	(495.570.694)	131.301.456	8.656.427.381	251.724.228.143

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400599162 điều chỉnh lần 03 vào ngày 09/05/2013 thì vốn điều lệ của Công ty là 600 tỷ đồng. Kế hoạch huy động vốn năm 2013 là 57 tỷ đồng, thời gian phát hành bắt đầu từ tháng 05/2013. Đại hội cũng ủy quyền cho Hội đồng Quản trị điều chỉnh mức huy động vốn phù hợp với thực tế nhưng không vượt kế hoạch nêu trên. Trong năm 2013, Công ty đã huy động được 20.826.000.000 đồng. Ngày 30/11/2013, Hội đồng Quản trị đã có Quyết định số 45/QĐ-HĐQT điều chỉnh phương án góp vốn năm 2013 với số tiền 20.826.000.000 đồng.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	172.900.000.000	152.900.000.000
Các cổ đông khác	70.567.070.000	69.741.070.000
Cộng	243.467.070.000	222.641.070.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.346.707	22.264.107
- Cổ phiếu thường	24.346.707	22.264.107
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.346.707	22.264.107
- Cổ phiếu thường	24.346.707	22.264.107
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(5.083.408.165)	(5.285.393.013)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.739.835.546	201.984.848
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.656.427.381	(5.083.408.165)

18. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	45.733.773.750	35.709.220.980
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.733.773.750	35.709.220.980

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn điện thương phẩm	18.023.579.077	19.825.902.689
Cộng	18.023.579.077	19.825.902.689

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.799.535.430	2.757.320.378
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.711.295	-
Cộng	1.815.246.725	2.757.320.378

21. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	10.434.618.297	14.681.896.826
Lỗ chênh lệch tỷ giá của hoạt động XDCB	355.913.460	355.913.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.831.155	7.704.000
Cộng	10.814.362.912	15.045.514.286

22. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	29.090.909	-
Tiền vận chuyển xi măng	125.031.720	-
Bán hồ sơ thầu	-	10.909.090
Hoàn nhập Quỹ TCMVL	-	32.861.017
Thu nhập từ phạt hợp đồng (Cty CT Ngâm)	-	818.088.400
Thu nhập bán CERS và VERs (khí thải CDM)	95.594.759	829.692.883
Thu nhập khác	13.666.772	482.432
Cộng	263.384.160	1.692.033.822

23. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	163.235.160	181.426.320
Phân bổ chi phí xử lý sạt lở	312.707.910	1.066.037.455
Chi phí bán hồ sơ thầu	-	10.909.090
Chi phí bán CERS và VERs (khí thải CDM)	9.689.691	724.330.948
Chi phí vận chuyển xi măng	125.031.720	-
Chi phí khác	7.103.476	142.795.042
Cộng	617.767.957	2.125.498.855

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.747.108.273	333.206.811
- Thu nhập từ hoạt động SXKD	13.718.017.364	(484.881.589)
- Thu nhập từ hoạt động khác	29.090.909	818.088.400
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	222.585.189	191.681.042
Điều chỉnh tăng	222.585.189	191.681.042
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	163.235.160	181.426.320
- Chi phí học tập kinh nghiệm	41.400.000	-
- Chi phí không hợp lý	17.950.029	10.254.722
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	13.969.693.462	524.887.853
- Thu nhập từ hoạt động SXKD	13.940.602.553	(293.200.547)
- Thu nhập từ hoạt động khác	29.090.909	818.088.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.401.332.982	131.221.963
- Thuế TNDN từ hoạt động SXKD (10%)	1.394.060.255	-
- Thuế TNDN từ hoạt động khác (25%)	7.272.727	131.221.963
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1.394.060.255	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.272.727	131.221.963
Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.739.835.546	201.984.848

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.739.835.546	201.984.848
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	13.739.835.546	201.984.848
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	22.959.931	20.607.053
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	598	10

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	214.017.303	188.565.253
Chi phí nhân công	6.187.759.065	4.419.715.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.009.272.435	16.712.521.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.678.167.263	723.664.750
Chi phí khác bằng tiền	4.543.949.427	609.888.185
Cộng	22.633.165.493	22.654.355.228

27. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các khoản tài sản và nợ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính	-	-
Nợ phải trả tài chính (USD)	57.557,78	72.000,00

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản phải trả nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	17.176.582.012	51.529.746.036	68.706.328.048
Phải trả người bán	5.846.713.751	-	5.846.713.751
Phải trả khác	2.327.045.392	-	2.327.045.392
Cộng	25.350.341.155	51.529.746.036	76.880.087.191

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	19.176.582.012	68.706.328.048	87.882.910.060
Phải trả người bán	4.529.705.143	-	4.529.705.143
Phải trả khác	6.250.616.982	-	6.250.616.982
Cộng	29.956.904.137	68.706.328.048	98.663.232.185

Ban Tổng Giám đốc cho rằng trong ngắn hạn, Công ty không có rủi ro thanh khoản. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền để đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.159.497.298	-	27.159.497.298
Phải thu khách hàng	8.648.915.077	-	8.648.915.077
Phải thu khác	309.035.117	-	309.035.117
Tài sản tài chính khác	4.550.000	-	4.550.000
Cộng	36.121.997.492	-	36.121.997.492

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.132.268.890	-	38.132.268.890
Phải thu khách hàng	6.300.961.374	-	6.300.961.374
Phải thu khác	801.057.687	-	801.057.687
Tài sản tài chính khác	4.550.000	-	4.550.000
Cộng	45.238.837.951	-	45.238.837.951

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động theo một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

29. Thông tin về các bên liên quan

a. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng Cty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ	Góp vốn	20.000.000.000	30.000.000.000
		Doanh thu bán điện	45.733.773.750	35.709.220.980

b. Số dư với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng Cty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ	Phải trả khác	46.305.863	2.854.396.940
		Phải thu khách hàng	8.648.915.077	5.951.875.556

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Lương Minh

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu

Lê Thị Xuân Hương

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P1, P5, đăng web.



Nguyễn Lương Minh